TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/DSPT
Ngày: 11/3/2021
V/v "Tranh chấp chia thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

Ông Lê Xuân Hải

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định***: Bà Nguyễn Phạm Tố Phong - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2020/TLPT- DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp chia thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2020/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Đặng Thị T; cư trú tại: khu phố 4, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đặng Thị T1; cư trú tại: khu phố Đ, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (Văn bản ủy quyền ngày 27/10/2016) (có mặt).

- ***Bị đơn***: Bà Đặng Thị T2; cư trú tại: Khu phố Đ, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (có mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

1. Bà Đặng Thị B; cư trú tại: Khu phố Đ, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

2. Bà Đặng Thị L; cư trú tại: Thôn 1, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện hợp pháp của bà Đặng Thị L và bà Đặng Thị B: Bà Đặng Thị T1; cư trú tại: khu phố Đ, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (văn bản ủy quyền ngày 30/12/2016, ngày 21/9/2016).

3. Bà Đặng Thị T1 (có mặt)

4. Ông Huỳnh L1 (có mặt)

Đều cư trú tại: khu phố Đ, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

5. Chị Huỳnh Thị S; cư trú tại: khu phố Đ, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

6. Chị Huỳnh Thị P; cư trú tại: khu phố G, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

7. Chị Huỳnh Thị Mỹ T3; cư trú tại: Thôn Đ, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

8. Chị Huỳnh Thị H; cư trú tại: Thôn M, xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

9. Anh Huỳnh Duy K; cư trú tại: khu phố Đ, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (có mặt).

Người kháng cáo: Bà Đặng Thị T – nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đặng Thị T ủy quyền cho bà Đặng Thị T1 trình bày:

Cụ Đặng S1 (chết năm 1979) và cụ Trương Thị M (chết năm 1987) có 03 người con gồm:

- Ông Đặng K1. Ông K1 chết năm 1965, có vợ là bà Nguyễn Thị T4 và 03 người con là Đặng Thị L, Đặng Thị T1 và Đặng Thị T2.

- Bà Đặng Thị B

- Bà Đặng Thị T

Vợ chồng cụ S1 đều không để lại di chúc. Di sản của các cụ để lại là nhà và đất tại thửa đất số 890 tờ bản đồ số 22, diện tích 500m^2 tại thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là khu phố Đ, phường H, thị xã H).

Ngày 23/02/1989, các con cháu của vợ chồng cụ S1 họp thống nhất giao nhà đất và một số đồ dùng sinh hoạt gia đình cho bà Đặng Thị T2 quản lý sử dụng nhưng không được mua bán. Việc giao tài sản có lập "giấy giao nhà" được các bên tham gia ký. Sau đó bà T2 tự ý kê khai nhà đất, không thông báo cho các cô, các em biết. Đến khi nhà nước giải tỏa có đền bù đất đai với số tiền 332.000.000 đồng, bà T2 là người nhận và tự ý sử dụng khoản tiền đền bù cũng không thông báo cho ai biết.

Bà đại diện cho bà Đặng Thị T, bà Đặng Thị B và bà Đặng Thị L yêu cầu chia thừa kế di sản của vợ chồng cụ Đặng S1, Trương Thị M để lại là nhà, đất thuộc thửa đất số 890, tờ bản đồ số 22 tại khu phố Đ, phường H, thị xã H và số tiền đền bù giải tỏa 332.000.000 đồng.

Bị đơn bà Đặng Thị T2 trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bà của bà Đặng Thị T1 về nguồn gốc nhà, đất của ông bà nội là cụ Đặng S1, Trương Thị M để lại thửa đất số 890 tờ bản đồ số 22 tại khu phố Đ, phường H, thị xã H. Thửa đất này vợ chồng bà đã được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Thực hiện dự án mở rộng quốc lộ 1A, gia đình bà được nhận tiền hỗ trợ đền bù với số tiền 312.000.000 đồng. Vợ chồng bà đã sử dụng tiền này để sửa chữa nhà do vợ chồng bà đang ở và cho con cái ăn học. Bà không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đặng Thị T1 và bà Đặng Thị L trình bày:

Các bà là con của ông Đặng K1 (chết năm 1965) và bà Nguyễn Thị T4. Cha mẹ các bà có 03 người con là: Đặng Thị L, Đặng Thị T1 và Đặng Thị T2. Các bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị T.

- Ông Huỳnh L1 trình bày: Ông là chồng bà Đặng Thị T2. Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà T2.

- Chị Huỳnh Thị S, chị Huỳnh Thị P, chị Huỳnh Thị Mỹ T3 và anh Huỳnh Duy K thống nhất trình bày: Các anh chị là con ông Huỳnh L1 và bà Đặng Thị T2. Các anh chị thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà T2.

Bản án số 70/2020/DS-ST ngày 15/5/2020 của Tòa án nhân dân thị xã H đã xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T đối với yêu cầu đòi lại tài sản là di sản thừa kế thửa đất số 890, tờ bản đồ số 22 tại khu phố Đ, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (bản đồ VN-2000), theo bản đồ 1997 là thửa 1554, tờ bản đồ số 03 vì đất này không phải là di sản thừa kế.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị T phân chia số tiền 332.000.000 đồng mà nhà nước đền bù giải phóng mặt bằng khi thực hiện dự án mở rộng quốc lộ 1A đối với thửa đất số 890, tờ bản đồ số 22.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 18/5/2020, nguyên đơn bà Đặng Thị T kháng cáo yêu cầu chia thừa kế di sản của cha mẹ bà để lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; Sửa bản án sơ thẩm, xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp chia thừa kế, sửa án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hàng thừa kế:

Cụ Đặng S1 (chết năm 1979) và cụ Trương Thị M (chết năm 1987) có 03 người con gồm:

- Ông Đặng K1. Ông K1 chết năm 1965, có vợ là bà Nguyễn Thị T4 và 03 người con là Đặng Thị L, Đặng Thị T1 và Đặng Thị T2.

- Bà Đặng Thị B

- Bà Đặng Thị T

Vợ chồng cụ S1 đều không để lại di chúc.

[2] Về di sản:

Theo nguyên đơn, di sản của vợ chồng cụ Đặng S1 để lại là nhà và đất thuộc thửa đất số 1554, tờ bản đồ số 03 (theo Bản đồ VN 2000 là thửa đất số 890 tờ bản đồ số 22), thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là khu phố Đ, phường H, thị xã H) hiện bà Đặng Thị T2 đang quản lý, sử dụng. Quá trình quản lý nhà, đất của vợ chồng cụ Đặng S1, bà T2 đã tự ý kê khai nhà đất để được cấp GCNQSDĐ, không thông báo cho các bà biết. Khi nhà nước giải tỏa để mở rộng quốc lộ có đền bù với số tiền 332.000.000 đồng, bà T2 là người nhận và tự ý sử dụng khoản tiền đền bù mà không thông báo cho ai biết; các bà về cúng giỗ cha mẹ thì bị vợ chồng bà T2 ngăn cản không cho vào nhà nên nguyên đơn bà Đặng Thị T, bà Đặng Thị B yêu cầu chia thừa kế di sản của cha mẹ là cụ Đặng S1, Trương Thị M để lại gồm nhà, đất tại thửa đất số 890, tờ bản đồ số 22, khu phố Đ, phường H, thị xã H và số tiền đền bù giải tỏa 332.000.000 đồng.

Bà Đặng Thị T2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì theo bà thửa đất nêu trên vợ chồng bà đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ. Thực hiện dự án mở rộng quốc lộ 1A, gia đình bà được nhận tiền hỗ trợ đền bù với số tiền 312.000.000 đồng. Vợ chồng bà đã sử dụng tiền này để sửa chữa nhà do vợ chồng bà đang ở và cho con cái ăn học.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Ngày 23/02/1989, các con, cháu của vợ chồng cụ Đặng S1 (trong đó có bà Đặng Thị T2) họp thống nhất giao nhà, đất và một số đồ dùng sinh hoạt gia đình của vợ chồng cụ S1 cho bà T2 (cháu nội) quản lý sử dụng nhưng không được mua bán. Việc giao tài sản cho bà T2 có lập "Giấy giao nhà" được các bên tham gia ký. Bà T2 cũng thừa nhận chữ viết và chữ ký trong "giấy giao nhà" là của bà và thừa nhận nguồn gốc đất, nhà tại thửa đất số 890, tờ bản đồ số 22, khu phố Đ, phường H, thị xã H là của ông bà nội bà tức cụ Đặng Sở, Trương Thị Màu để lại.

[2.2] Thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, ngày 16/8/1996 bà T2 có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất trong đó có thửa 1554, tờ bản đồ số 03, diện tích 160/360m^2, loại đất thổ cư. Ngày 27/6/1997, UBND huyện H cấp GCNQSDĐ, số vào sổ cấp GCN 02615 QSDĐ/A13 trong đó có thửa đất số 1554, tờ bản đồ số 03, diện tích 160/360m^2, loại đất ở, xã H cho hộ bà T2. Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ chỉ cân đối giao quyền sử dụng đất nông nghiệp không cân đối đất ở. Như vậy, diện tích 160/360m^2, loại đất ở, thửa đất số 1554, tờ bản đồ số 03

(trên đất có ngôi nhà do vợ chồng cụ S1 tạo dựng) là thuộc quyền sử dụng của vợ chồng cụ S1. Vợ chồng cụ S1 đã chết nên diện tích đất nêu trên là di sản của vợ chồng cụ S1.

[2.3] Ngày 28/4/2003, bà T2 có Đơn xin sửa lại nhà trong đó ghi rõ: "nguyên tôi có một ngôi nhà do ông bà để lại từ lâu nhưng nay ngôi nhà đã xuống cấp trầm trọng…". Ngày 05/5/2003, UBND xã Hoài Tân đã cho phép và phê duyệt vào Đơn xin sửa chữa lại nhà của bà T2. Ngày 01/7/2003, bà T2 và chồng là ông Huỳnh L1 lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà Phạm Thị N ông Trần Đình P, diện tích 153m^2 đất vườn thuộc thửa đất số 1554, tờ bản đồ số 03 với giá 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Trong Hợp đồng có sự tham gia của các con, cháu của vợ chồng cụ S1. Hợp đồng được UBND xã H chứng thực ngày 22/7/2003. Bên mua là bà N, ông P đã giao tiền làm nhiều lần cho bà T2, bà T, bà L. Số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà N, các bên đương sự đều thống nhất khai sử dụng vào việc sửa chữa ngôi nhà của cụ Đặng S1 và chia nhau.

[2.4] Tại Biên bản hòa giải ngày 03/8/2018, bà T2 cũng đồng ý chia di sản thừa kế của ông bà nội để lại là nhà, đất tại thửa số 890, tờ bản đồ số 22, thôn Đ, xã H, huyện H và có nguyện vọng nhận nhà, đất để ở vì bà không có chỗ ở nào khác. Riêng khoản tiền đền bù giải tỏa 312.000.000 đồng vợ chồng bà đã sử dụng hết vào việc sửa chữa ngôi nhà đang ở nên bà không đồng ý chia.

Từ những phân tích tại [2.1], [2.2], [2.3] và [2.4], Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do thửa đất số 1554, tờ bản đồ số 03, thôn Đ, xã H, huyện H đã được nhà nước giao cho hộ bà Đặng Thị T2 nên theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013, nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền nam Việt Nam, Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các nguyên đơn đã thống nhất giao toàn bộ di sản cho bà T2 thừa hưởng là không đúng do đó phải sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn.

[2.5] Về số tiền nhà nước đền bù giải tỏa mở rộng quốc lộ 1A, nguyên đơn cho rằng bà T2 đã nhận 332.000.000 đồng. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà T2 chỉ thừa nhận đã nhận số tiền 312.000.000 đồng nhưng tại Biên bản đối chất ngày 25/01/2021, bà T2 thừa nhận tiền đền bù giải phóng mặt bằng là 332.000.000 đồng trong đó có 20.000.000 đồng là tiền thưởng giải phóng mặt bằng sớm. Bà T2 cho rằng vợ chồng bà đã sử dụng 302.000.000 đồng để sửa chữa nhà còn lại 30.000.000 đồng vợ chồng bà chi phí nuôi con ăn học.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn chỉ yêu cầu chia thừa kế là giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ở 108,9m^2 và 312.000.000 đồng là tiền đền bù giải phóng mặt bằng còn phần nhà là do vợ chồng bà T2 xây dựng. Việc yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 25/12/2020, đất ở theo giá thị trường là 9.000.000 đồng/m^2. Tổng diện tích đất là 108,9m^2 x 9.000.000 đồng/m^2 = 980.100.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị di sản: 1.292.100.000 đồng [980.100.000 đồng (giá trị quyền sử dụng đất) + 312.000.000 đồng (tiền đền bù)].

[3] Về phân chia di sản:

Tổng giá trị di sản của vợ chồng cụ S1 là 1.292.100.000 đồng được chia cho 03 thừa kế là ông Đặng K1, bà Đặng Thị B và bà Đặng Thị T tuy nhiên thấy rằng bà Đặng Thị T2 đã có công gìn giữ, tôn tạo và bảo quản di sản do đó cần trích cho bà T2 một khoản tiền công sức bảo quản di sản tương đương với một kỷ phần thừa kế. Như vậy, di sản của vợ chồng cụ S1 được chia 04 phần, mỗi phần là 323.025.000 đồng (1.292.100.000 đồng : 4), trong đó bà T2 được hưởng một phần công sức bảo quản di sản là 323.025.000 đồng. Bà B, bà T mỗi bà được nhận 323.025.000 đồng. Ông Đặng K1 chết năm 1965 (chết trước cha mẹ) nên theo quy định tại Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015, các con ông K1 là bà T1, bà L và bà T2 là thừa kế thế vị được hưởng phần của ông K1, mỗi người được nhận 107.675.000 đồng (323.025.000 đồng : 3).

Bà T2 và gia đình bà đang quản lý, sử dụng nhà, đất tại thửa đất số 890, tờ bản đồ số 22 (bản đồ VN 2000) khu phố Đệ Đức 3, phường Hoài Tân, thị xã Hoài Nhơn. Ngoài nơi ở này, gia đình bà T2 không còn chỗ ở nào khác còn bà B và bà T đều đã có chỗ ở ổn định vì vậy giao cho vợ chồng bà T2 được sở hữu ngôi nhà và bà T2 được trọn quyền sử dụng thửa đất đồng thời bà T2 phải có trách nhiệm thanh toán cho các thừa kế, cụ thể như sau: Thanh toán cho bà B và bà T mỗi bà 323.025.000 đồng, thanh toán cho bà T1 và bà L mỗi bà 107.675.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (Nghị quyết số 326), bà Đặng Thị T, bà Đặng Thị B, bà Đặng Thị T1, bà Đặng Thị T2 và bà Đặng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được chia. Tuy nhiên, bà T, bà B, bà L và bà T1 là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 bà T, bà B, bà L và bà T1 được miễn toàn bộ án phí DSST.

[5] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm 10.000.000 đồng được chia 03 phần bằng nhau trong đó bà T và bà B mỗi người chịu 01 phần; phần còn lại được chia thành 03 phần, bà T1, bà T2 và bà L mỗi người phải chịu 1/3.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326, bà T không phải chịu.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ Điều 649, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị T; Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị T về chia thừa kế theo pháp luật di sản của vợ chồng cụ Đặng S1, Trương Thị M là thửa đất số 890, tờ bản đồ số 22 (bản đồ VN 2000), diện tích 108,9m^2 (loại đất ở), khu phố Đ, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định và số tiền 312.000.000 đồng (đền bù do giải tỏa).

2. Giao cho bà Đặng Thị T2 được trọn quyền sử dụng thửa đất số 890, tờ bản đồ số 22 (bản đồ VN 2000), diện tích 108,9m^2 (đất ở) tại khu phố Đ, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (trên thửa đất này có ngôi nhà do vợ chồng bà T2 xây dựng mới).

(Có sơ đồ kèm theo).

3. Buộc bà Đặng Thị T2 phải thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà Đặng Thị T và bà Đặng Thị B mỗi người 323.025.000 đồng (ba trăm hai mươi ba triệu không trăm hai lăm nghìn đồng).

4. Buộc bà Đặng Thị T2 phải thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà Đặng Thị T1 và bà Đặng Thị L mỗi người 107.675.000 đồng (một trăm lẻ bảy triệu sáu trăm bảy lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đặng Thị T, bà Đặng Thị B, bà Đặng Thị L và bà Đặng Thị T1 được miễn toàn bộ. Hoàn lại cho bà T 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0003726 ngày 06/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H).

- Bà Đặng Thị T2 phải chịu 21.228.000 đồng.

6. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Đặng Thị T và bà Đặng Thị B mỗi người phải chịu 3.333.000 đồng. Bà Đặng Thị L, bà Đặng Thị T1 và bà Đặng Thị T2 mỗi người phải chịu 1.111.000 đồng. Bà T đã nộp tạm ứng 10.000.000 đồng nên bà B phải hoàn trả cho bà Tịch 3.333.000 đồng; bà L, bà T1 và bà T2 mỗi người phải hoàn trả cho bà T 1.111.000 đồng.

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Thị T không phải chịu, hoàn lại cho bà T 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai số 0009770 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H).

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Tuấn Anh